TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21/9/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Giúp Đở

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Thanh Dũng

Ông Lý Văn Til

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phục Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Lư – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 91/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 493/2023/QĐXXST-HN ngày 24 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 535/2023/QDST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thu T**, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Trần Thanh Đ**, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Thu T trình bày:

Bà và ông Trần Thanh Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2009, đến năm 2013 đăng ký kết hôn và đã được UBND xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/12/2013.

Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã, ông Đ thường xuyên đánh bài, đánh số đề, rượu chè và đánh đập bà nhiều lần. Mặc dù, bà đã

nhiều lần khuyên ông Đ bỏ cờ bạc nhưng ông Đ vẫn không thay đổi nên bà và ông Đ đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Thanh Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Hiểu K (nam), sinh ngày 20/11/2011 và Trần Khải N (nam), sinh ngày 29/7/2013. Hiện nay ông Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng nên bà sẽ giao hai con chung cho ông Đ nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Đ, giao con chung cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, nguyên đơn không cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xử và Thư ký đã tuân thủ đúng quy định pháp luật kể từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu được ly hôn với ông Trần Thanh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào yêu cầu của đương sự và nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án án nhân dân huyện Thới Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của đương sự tại tại phiên tòa cho thấy, hôn nhân giữa bà T và ông Đ là do tự nguyện nên khi về chung sống ông, bà cũng đã có thời gian hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi. Hơn nữa ông, bà cũng đã có thời gian dài sống ly thân nhưng vẫn không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm. Mặc dù, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Đ vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến của ông như thế nào đối với yêu cầu ly hôn của bà T. Điều đó cho

thấy ông Đ đã mặc nhiên thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và ông cũng không mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của ông, bà đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, nếu có kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai nên yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông Đ là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông, bà có 02 con chung tên Trần Hiếu K (nam), sinh ngày 20/11/2011 và Trần Khải N (nam), sinh ngày 29/7/2013. Hiện nay ông Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng và hai cháu cũng có nguyện vọng sống với ông Đ. Để bảo đảm sự ổn định, tránh làm xáo trộn cuộc sống của các cháu nên tiếp tục giao 02 con chung cho ông Đ nuôi dưỡng là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có nên không xem xét, nếu sau này có phát tranh chấp và có đơn kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí hôn nhân: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Thu T đối với ông Trần Thanh Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hiếu K (nam), sinh ngày 20/11/2011 và Trần Khải N (nam), sinh ngày 29/7/2013 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà T không ai được quyền ngăn cản. Để bảo đảm quyền lợi của trẻ, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có nên không xem xét, nếu sau này có phát tranh chấp và có đơn kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000đồng, bà T phải chịu. Bà T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005197 ngày 08/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Thới Lai;
- THADS H. Thới Lai;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Giúp Đở